

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 09-01-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Hiệp

Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê V K, sinh năm 1983, địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần M P, sinh năm 1975 và bà Võ T N, sinh năm 1977, cùng địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ông Lê V K có mặt. Ông Trần M P và bà Võ T N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê V K trình bày: Ông P và bà N có vay tiền của ông K nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 28-9-2021 vay 392.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng sau, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 03-12-2021 vay 160.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận ngày 17-02-2022 trả 110.000.000 đồng và ngày 17-4-2022 trả 50.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 12-12-2021 vay 170.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng sau, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Do ông P và bà N vi phạm thỏa thuận trả nợ nên ngày 27-4-2022 ông K tiến hành khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 28-6-2022 hai bên thống nhất được nợ gốc và tiền lãi phải trả là 751.880.000 đồng. Để tạo điều kiện cho ông P và bà N có thời gian thanh toán nợ và không phải chịu án phí nên ông K đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên đến nay ông P và bà N vẫn chưa thanh toán tiền nợ cho ông K theo thỏa thuận.

Ngoài ra, vào ngày 25-6-2022 ông P và bà N có vay thêm của ông K số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 02 tháng sau, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ nhưng ông P và bà N không trả tiền cho ông theo thuận mà hứa hẹn nhiều lần kéo dài cho đến hiện tại.

Do đó, ông K khởi kiện yêu cầu ông P và bà N liên đới trả số tiền vay là 801.880.000 đồng bao gồm tiền gốc 772.000.000 đồng và tiền lãi là 29.880.000 đồng.

- *Ý kiến của bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần M P và bà Võ T N vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Lê V K khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N trả tiền theo hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy ông Trần M P và bà Võ T N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê V K đối với nợ gốc:

[3.1] Đối với 03 khoản nợ vay năm 2021:

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 42/2022/TLST-DS ngày 30-5-2022, tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 28-6-2022, ông P và bà N thừa nhận số tiền nợ gốc đối với 03 khoản vay năm 2021 là 722.000.000 đồng, ông P và bà N đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 751.880.000 đồng. Các bên thống nhất trả tiền thành 03 lần, bắt đầu trả tiền vào ngày 28-8-2022, để tạo điều

kiện cho ông P và bà N có thời gian thanh toán nợ và không phải chịu án phí nên ông K đã rút đơn khởi kiện, do đó Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định đối với các khoản vay năm 2021 thì tính đến ngày 28-6-2022 ông P và bà N còn nợ ông K số tiền gốc là 722.000.000 đồng. Các khoản vay trên đều đã đến hạn, ông K đã tiến hành khởi kiện và gia hạn thêm thời gian trả nợ cho ông P và bà N nhưng ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó ông K khởi kiện yêu cầu ông P và bà N trả số tiền gốc 722.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng vay ngày 25-6-2022:

Căn cứ biên nhận nợ ngày 25-6-2022 do ông K giao nộp có nội dung như sau:

“Tôi tên Trần M P sinh năm 1975

Tôi có vay của ông Lê V K số tiền 50.000.000đ

(Năm mươi triệu đồng) hẹn 2 tháng trả dứt điểm”.

Phía dưới có ghi *“T, ngày 25/6/2022, Người mượn tiền”* và có chữ ký, chữ viết họ tên *“Trần M P”*.

Xét thấy ông P và bà N đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ do ông K giao nộp nên ông P và bà N đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của ông K giao nộp nhưng ông P và bà N không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của ông K và biên nhận nợ ngày 25-6-2022 là đúng sự thật và có đủ căn cứ để xác định ông P và bà N có vay của ông K số tiền 50.000.000 đồng.

Căn cứ biên nhận nợ ngày 25-6-2022, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 02 tháng nên kể từ ngày 26-8-2022, ông P và bà N phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho ông K. Ông P và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó ông K khởi kiện yêu cầu ông P và bà N trả số tiền gốc 50.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Từ những nhận định nêu trên, ông Lê V K yêu cầu ông Trần M P và bà Võ T N trả số tiền gốc tổng cộng 772.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê V K đối với tiền lãi:

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 28-6-2022, ông P và bà N đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 751.880.000 đồng, khấu trừ số tiền gốc 722.000.000 đồng thì ông P và bà N đồng ý trả số tiền lãi là 29.880.000 đồng. Tại phiên tòa, ông K chỉ yêu cầu tiền lãi là 29.880.000 đồng như các bên đã thống nhất

vào ngày 28-6-2022. Căn cứ biên nhận nợ các khoản vay năm 2021 thể hiện hai bên không có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên đây là khoản vay có thời hạn, ông P và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự, ông P và bà N có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ số tiền gốc 722.000.000 đồng và mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự thì tiền lãi chậm trả cao hơn nhiều so với số tiền 29.880.000 đồng. Do đó, ông K yêu cầu tiền lãi tổng cộng là 29.880.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 357 Bộ luật Dân sự và có lợi cho ông P và bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 25-6-2022, ông K không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Bị đơn ông Trần M P và bà Võ T N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.056.400 đồng, được làm tròn là 36.056.000 đồng (tương ứng với yêu cầu khởi kiện của ông Lê V K được chấp nhận).

Nguyên đơn ông Lê V K được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê V K đối với ông Trần M P và bà Võ T N, về việc yêu cầu trả tiền vay.

Buộc ông Trần M P và bà Võ T N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê V K số tiền 801.880.000 đồng (tám trăm lẻ một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần M P và bà Võ T N liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.056.000 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Ông Lê V K không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.028.000 đồng (mười tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010492 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê V K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần M P và bà Võ T N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng